

5 năm hoạt động của Viện kỹ thuật nông nghiệp Miền đông Nam Bộ

BUI VĂN NGẠC

SAU đại thắng mùa xuân 1975, Viện khảo cứu nông nghiệp thuộc chính quyền cũ đã được tiếp quản và tổ chức lại thành Viện kỹ thuật nông nghiệp Miền đông Nam Bộ.

1. Vài nét sơ lược về Viện trước và sau giải phóng.

Viện này, trước kia là một cơ sở nghiên cứu nông lâm nghiệp thuộc chính quyền cũ được "phác họa" từ năm 1952. Năm 1968 được tổ chức thành « Viện khảo cứu nông nghiệp », trụ sở làm việc đặt tại số nhà 121, đường Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thuộc thành phố Sài Gòn.

Tổ chức bộ máy của « Viện khảo cứu nông nghiệp » gồm có 4 sở: nông súc học, lâm học, địa học, biến chế và một thảo cầm viên; 1 trung tâm khảo cứu và huấn luyện đặt tại Long Định; 7 trung tâm thực nghiệm nông nghiệp đặt tại Biên Hòa, Long Khánh, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Đà Lạt, Buôn Mê Thuột, Thừa Thiên; 2 địa điểm thực nghiệm nông nghiệp đặt tại Tân Tạo và An Giang; 3 trung tâm khảo cứu lâm học đặt tại Trảng Bom, Lang Hanh, Măng Linh. Trong những năm gần năm 1975, do cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ngày càng gay gắt, sự hoạt động của Viện khảo cứu yếu dần, một số cơ sở trực thuộc Viện ngừng hoạt động hoặc trở thành bãi pháo của địch như trung tâm thực nghiệm Long Khánh (một Trung tâm lớn về cây trồng cận ở Miền đông Nam Bộ).

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, cùng với hệ thống nghiên cứu khoa học nông nghiệp trong cả nước, Viện khảo cứu nông nghiệp đã từng bước được tổ chức lại cho phù hợp với tình

hình chung của cả nước cải tạo xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuyển giao những bộ phận không thuộc phạm vi của ngành (Sở lâm học và các cơ sở nghiên cứu lâm học,) tăng cường và thành lập các bộ phận mới trực thuộc Viện (các bộ môn về chăn nuôi, bảo vệ thực vật...); nhất là sau hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 2, cùng với việc xây dựng các trung tâm nghiên cứu vùng như Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp Eakmat, Trung tâm kỹ thuật Nam Trung Bộ, Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long, Viện kỹ thuật nông nghiệp Miền đông Nam Bộ trực thuộc Bộ Nông nghiệp được thành lập từ cơ sở « Viện khảo cứu nông nghiệp ».

Viện có 6 chức năng nhiệm vụ:

— Tiến hành điều tra cơ bản và nghiên cứu thí nghiệm, thực nghiệm kỹ thuật về các loại cây trồng, vật nuôi trong phương hướng sản xuất của vùng theo kế hoạch của Bộ Nông nghiệp giao.

— Thực hiện tốt công tác giữ giống và không ngừng nâng cao phẩm cấp của giống. Đồng thời sản xuất và cung cấp giống gốc (nguyên chủng) cho các cơ sở nhân giống cấp 1 theo kế hoạch của Bộ giao.

— Tham gia đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trong ngành, đồng thời trực tiếp đào tạo công nhân kỹ thuật cho các trạm trại của vùng và của Viện theo chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng hàng năm của Bộ.

— Tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật về những cây con đã được nghiên cứu, tổ chức sản xuất mẫu trên diện rộng trước khi đưa vào sản xuất đại trà.

— Tham gia với các cơ quan chức năng của Bộ trong việc xây dựng kế hoạch đưa tiến bộ khoa học — kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp trong vùng. Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ đó trong phạm vi kế hoạch được Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam giao.

— Tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ có tính chất chung do Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam giao theo vị trí của vùng, phối hợp với các viện chuyên đề, chuyên ngành các bộ môn nghiên cứu của Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam và các cơ sở nghiên cứu khác ở trong vùng đề nghiên cứu những vấn đề có tính chất tổng hợp của vùng.

Tổ chức bộ máy của Viện: ngoài 4 phòng nghiệp vụ (kế hoạch tổng hợp, tổ chức cán bộ, hành chính quản trị, kế toán tài vụ) có 12 bộ môn nghiên cứu, nay đã tổ chức được 8 bộ môn (cây ngắn ngày, cây dài ngày, đất phân, bảo vệ thực vật, sinh lý sinh hóa kiểm chế biến và bảo quản, đại gia súc, tiểu gia súc, thức ăn và dinh dưỡng) còn 4 bộ môn chưa thành lập được (sinh lý sinh hóa động vật, chế biến và bảo quản, cơ giới hóa nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp), và 3 trạm nghiên cứu thực nghiệm (Bình Thắng, Bến Gỗ, Hưng Lộc). Tổng số cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân viên hiện nay có 299 người, so với 5 năm trước đây tăng 77%, trong đó cán bộ nghiên cứu có trình độ đại học và trên đại học tăng 170%.

2. Những hoạt động khoa học — kỹ thuật trong 5 năm qua (1975 — 1980).

Quán triệt đường lối khoa học của Đảng "công tác khoa học kỹ thuật phải phục vụ cho sản xuất, phải đi đúng đường lối quần chúng, phải kết hợp lý luận với thực tiễn, phải vận dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm tiên tiến của thế giới vào điều kiện cụ thể ở nước ta", Viện nhận rõ Miền đông Nam Bộ là vùng đất phì nhiêu chèo tiếp từ cao nguyên đất đỏ trù phú đến đồng bằng Nam Bộ màu mỡ, có khí hậu nhiệt đới ít biến động, thuận lợi cho những cây trồng nhiệt đới cho năng suất cao và ổn định, nhất là màu (ngô, sắn, cao lương, đậu nành) và cây đặc sản, nhưng hiện nay sản lượng của những cây đó chưa cao, chăn nuôi chưa cân đối với trồng trọt, các khu kinh tế mới chưa được khai thác đầy đủ.

Năm vững đặc điểm tài nguyên và điều kiện sản xuất trong vùng, bám sát ruộng đồng, lấy việc phục vụ sản xuất, phát triển nông nghiệp toàn diện làm mục tiêu cao nhất của mọi công tác nghiên cứu thí nghiệm, Viện xác định rõ nhiệm vụ chủ yếu là tiến hành điều tra cơ bản

và nghiên cứu thí nghiệm, thực nghiệm kỹ thuật về các loại cây trồng và vật nuôi trong phương hướng sản xuất của vùng.

Với quan niệm « đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp » trong 5 năm qua, Viện tập trung sức vào việc nghiên cứu, đánh giá, khai thác, phân loại đất chính của Miền đông Nam Bộ là đất phèn và đất xám. Qua điều tra cơ bản, nghiên cứu quy luật phân bố và quá trình diễn biến về mặt lý hóa tính của đất phèn, Viện xác định được 4 loại đất chính của Miền đông và cả Miền tây Nam Bộ, từ đó đề nghị một số biện pháp kỹ thuật nông nghiệp nhằm sử dụng và cải tạo từng loại đất phèn. Một số tập đoàn sản xuất và nông trường quốc doanh ở ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Tây Ninh đã áp dụng thành công các đề nghị này. Một phần kết quả nghiên cứu đất phèn được thể hiện ở bản đồ phân loại đất phèn tỷ lệ 1/250 000.

Đất xám chiếm trên 40% tổng diện tích Miền đông, có nhiều đặc tính vật lý và hóa học thích hợp với nhiều cây màu ngắn ngày, đang được khẩn trương nghiên cứu về mặt phân loại và xếp hạng nhằm một mặt góp phần vào việc chi tiết hóa hệ thống phân loại đất xám trong cả nước, một mặt đề xuất các biện pháp khai thác hợp lý. Một vấn đề lý luận đáng chú ý trong quá trình nghiên cứu đất xám ở Miền đông Nam Bộ là hiện tượng hóa pherinitic: nguồn gốc và tính chất, động thái của hiện tượng trong điều kiện sinh thái địa phương. Cũng ở vùng đất xám này, đã xây dựng tập đoàn cây phân xanh, nghiên cứu xác định bước đầu khả năng sinh sản và tác dụng của từng loại về các mặt năng xuất chất xanh, tỷ lệ che phủ đất, chống xói mòn, giữ nước, giữ màu... trong từng điều kiện sinh thái và hệ thống canh tác.

Trong các năm 1976 — 1978, rầy nâu đã phá hoại nghiêm trọng trong nhiều đồng lúa rộng lớn ở cả Miền đông và Miền tây Nam Bộ. Bộ môn bảo vệ thực vật của Viện đã kịp thời phối hợp với ban điều tra cơ bản sâu bệnh hại nông nghiệp của Viện bảo vệ thực vật, Cục bảo vệ thực vật, Trường đại học nông nghiệp IV, Trường đại học Cần Thơ, Trường nông nghiệp Long Định, Sở nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Ty nông nghiệp Đồng Nai, áp dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp liên ngành nhằm phát hiện động thái, số lượng và thành phần sâu rầy qua thời gian; quy luật phát sinh dịch rầy, gieo cấy, thử giống lúa kháng rầy, xác định được nhiều giống vừa có khả năng kháng rầy vừa cho năng suất cao, đã xác định hiệu lực trừ rầy của nhiều loại thuốc trừ sâu nhập nội và sản xuất trong nước, đặc biệt là nước chiết hạt bình bát, từ đó đã tham gia xây dựng

quy trình phòng trừ tổng hợp đối với rầy nâu góp phần vào việc giải quyết tương đối tốt vấn đề dịch rầy ở các tỉnh phía nam.

Bộ môn bảo vệ thực vật cũng đã thực hiện việc điều tra, xác định thành phần sâu bệnh hại ngô, cao lương, đậu nành ở Miền đông, qua đây là lần đầu tiên chúng ta biết được tương đối chính xác tác hại của những loài sâu bệnh chính và có cơ sở để phòng trừ có hiệu quả cao và ít ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Một trong những nhiệm vụ lớn trong thời gian qua của viện là điều tra, thu thập, bảo quản, so sánh các giống cây trồng cạn. Hiện nay quỹ gen về ngô của Viện đã có tới 110 giống và dòng, về đậu nành trên 200 giống và dòng, về lúa cạn trên 100 giống, và dòng cao lương trên 70 giống và dòng, sắn trên 30 giống, chuối 22 giống và dòng. Trong một thời gian ngắn sau ngày giải phóng, Viện đã xây dựng được một tập đoàn giống cây trồng cạn phong phú và đa dạng.

Khai thác các quỹ gen phong phú đó, Bộ môn cây ngắn ngày của Viện đã nghiên cứu và đánh giá khả năng của một số giống ngô có triển vọng như: Thái sớm hỗn hợp, tổ hợp lai Thái sớm, Quần thể 76, Nha hồ hỗn hợp, Ngô sớm số 1, Ngô lai số 2, Tổng hợp 2A, tổng hợp 2 B và một số giống ngô sữa, ngô nhập nội... Riêng với giống ngô Thái sớm đã tiến hành khu vực hóa ở các địa bàn đông và tây Nam Bộ, Tây Nguyên... trên các vùng sinh thái khác nhau và đã đánh giá được khả năng thích ứng của giống với từng địa bàn khu vực hóa. Quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến đối với ngô (trọng tâm ở các khâu giống, thời vụ, mật độ, chế độ phân bón và bảo vệ thực vật) đã được đưa vào sản xuất ở các nông trường Buôn Mê Thuột, Đoàn 600, Trại Bầu Cá, Trại Hưng Lộc (Đồng Nai), Nông trường quốc doanh Phạm Văn Cội I (Thành phố Hồ Chí Minh), Nông trường quốc doanh cũ lao Động (Hậu Giang), và đã cho những năng suất cao hơn các giống ngô đang trồng. Giống Thái sớm đã được nhiều địa phương trồng và trong 5 năm, Viện đã chọn lọc và sản xuất cung cấp cho các địa phương được hơn 30 tấn hạt giống nguyên thủy, nhờ đó diện tích trồng ngô cho bội thu khoảng 1 - 2 ngàn tấn ngô hạt. Việc mở rộng diện tích trồng ngô Thái sớm đang có nhiều triển vọng lớn.

Năm 1975, tập đoàn đậu nành chỉ có khoảng 60 giống chủ yếu là các giống nhập nội, hiện nay đã tăng đến hơn 200 giống và dòng với nhiều tình trạng sinh lý, sinh thái rất khác nhau. Sau nhiều năm so sánh đã xác định được 4 giống có nhiều triển vọng: DH₄, Cọc chùm,

MTD₁₀, và Palmetto. Về mặt kỹ thuật trồng đậu nành, Viện đã khẳng định khả năng phát triển tốt của cây này trên đất xám Miền đông Nam Bộ (ngoài đất đỏ bazan vốn vẫn trồng); trên đất đỏ bazan sử dụng phân vi lượng và phân vi sinh vật có tác dụng tăng năng suất, giảm nhu cầu đạm và tăng khả năng chống bệnh. Mật độ trồng cần thay đổi theo thời vụ, giống và thấp nhất không nên dưới 330 ngàn cây/ha và cao nhất không nên trên 500 ngàn cây/ha. Những kết luận trên về cây đậu nành đã được phổ biến áp dụng trong sản xuất.

Những thí nghiệm về so sánh giống cao lương) xác định thời vụ, mật độ... đã cho phép chọn được giống cao cây, dài ngày, năng suất cao, ít sâu bệnh, thích hợp với khí hậu vùng khô trên đất xám đồng thời cũng chọn được một giống khác thấp cây thích hợp với đất xám, ít bị sâu bệnh và có năng suất cao gấp đôi những giống tốt nhất trước đây.

Những thí nghiệm về rau đậu đã cho phép xây dựng được tập đoàn giống rau xanh, dưa leo xuất khẩu và đậu rồng (phối hợp chương trình nghiên cứu với Tiệp Khắc).

Đối với lúa, gần đây Bộ môn sinh lý sinh hóa tập trung vào việc theo dõi khả năng chịu hạn và cho năng suất cao trong điều kiện trồng trọt trông vào nước trời của trên 150 giống lúa rầy. Bước đầu xác định được những giống sau, có triển vọng đối với Miền đông Nam Bộ và Tây Nguyên: IRAT 107, IRAT 104, Salumpikit, Aus - 61... Đáng chú ý là các dòng OR-165-18-4, OR 165-24-12, MW 10 thời gian sinh trưởng ngắn có khả năng cho năng suất cao.

Điểm nổi bật của những thí nghiệm về cây ăn trái là đã bước đầu xây dựng được quy trình thâm canh táo quả và chọn được dòng có phẩm chất quả ngon và cho sản phẩm chế biến đạt tiêu chuẩn của dược phẩm, hàng năm đã cung cấp được hàng ngàn cây táo giống cho các tỉnh Miền đông, Miền tây và Miền trung. Các tập đoàn giống chuối, đu đủ, cam quýt, cây bơ... đang được khẩn trương bổ sung để có điều kiện so sánh, xác định giống tốt hơn.

Công tác nghiên cứu về chăn nuôi được tập trung vào ba đề tài chính: đồng cỏ, dinh dưỡng gia súc và các biện pháp nâng cao chất lượng đàn giống.

Về đồng cỏ, Bộ môn đại gia súc qua nghiên cứu đã xác định được loại hình đồng cỏ hỗn hợp giữa cỏ Chi nê và đậu ma trên đất đỏ sạt sỏi Hưng Lộc (Đồng Nai) đã đánh giá khả năng chịu giẫm đạp, chăn thả chống hạn, tái sinh, năng suất và phẩm chất của hỗn hợp trong điều kiện đồng cỏ không tưới nước, đã

nhân trồng một số giống cỏ Hòa thảo, họ đậu có năng suất và phẩm chất tốt tại một số địa phương; đã và đang nghiên cứu một số giống cỏ họ đậu nguồn gốc ôn đới có triển vọng.

Về thức ăn và dinh dưỡng, Bộ môn thức ăn và dinh dưỡng gia súc đã từng bước nghiên cứu về tiêu chuẩn khẩu phần ăn cho heo ngoại, đang nghiên cứu về nguồn, thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của thức ăn gia súc các tỉnh phía nam.

Về giống heo, Bộ môn tiêu gia súc đã tiến hành nghiên cứu thích nghi đàn heo Cu-ba nhập nội, khảo sát năng suất dục giống cá thể và giống qua đời sau; nghiên cứu các tổ hợp lai ngoại.

Bộ môn chế biến và bảo quản nông sản của Viện đã chú ý đến việc xây dựng quy trình sản xuất meo giống năm rơm, năm mè và phở biến quy trình đó cho các địa phương sản xuất, xây dựng quy trình chế biến táo khô, sản xuất rượu dứa, rượu táo, rượu trái cây... Đáng chú ý là phần lớn các quy trình trên đều đang được áp dụng thử trong sản xuất trên quy mô công nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

Song song với công tác nghiên cứu khoa học, việc đẩy mạnh phát huy sáng kiến phục vụ nghiên cứu khoa học, cũng được chú ý, thời gian qua đã thiết kế và lắp ráp được 30 thiết bị trong đó có một số thiết bị được chọn đi dự 5 cuộc triển lãm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Mátscova như máy đếm hạt lúa, máy hút huyền phù v.v... Bốn thiết bị đã được Bộ nông nghiệp khen thưởng.

5 năm không phải là một thời gian dài đối với một cơ sở nghiên cứu, nhất là nghiên cứu về nông nghiệp. Tuy nhiên trong thời gian đó những nghiên cứu của Viện kỹ thuật nông nghiệp Miền đông Nam Bộ đã có nhiều kết quả có tác dụng trong sản xuất và được các địa phương từ xã tới tỉnh hoan nghênh. Có được thành tích đó là vì Viện đã kịp thời xác định trúng được những trọng tâm nghiên cứu mà sản xuất nông nghiệp ở địa phương đang đòi hỏi: khi dịch rầy nâu là vấn đề thời sự của sản xuất nông nghiệp miền Nam, Viện đã kiên quyết tập trung nhiều cán bộ tiến hành nghiên cứu theo hướng tổng hợp liên ngành, giải quyết dứt điểm trong thời gian tương đối ngắn những vấn đề tương đối cơ bản nhất, do đó có tác dụng thiết thực trong việc xây dựng và phổ biến áp dụng các qui trình kỹ thuật phòng trừ rầy nâu không chỉ ở Miền đông mà cả ở Miền tây Nam Bộ và ở các tỉnh ven biển Trung Bộ. Đối với các cây lương thực trồng cạn cũng vậy, ngoài công tác điều tra cơ bản, thu thập giống, xây dựng quỹ gen, Viện đã đẩy mạnh

các thí nghiệm so sánh giống và đồng thời tiến hành xây dựng quy trình kỹ thuật cho những giống có triển vọng. Do đó giống mới đã được phổ biến nhanh và rộng trong một thời gian tương đối ngắn.

Trong điều kiện các trạm, trại trực thuộc Viện (như Trạm Hưng Lộc, Trạm Bình Thắng, Trạm Bến gỗ) gặp khó khăn về trang thiết bị và xây dựng cơ bản, Viện đã tung cán bộ nghiên cứu về các tập đoàn sản xuất, các nông trường quốc doanh, các trại chăn nuôi địa phương, tổ chức thí nghiệm, thực nghiệm ngay trên đồng ruộng, trong chuồng trại. Đồng thời, Viện vẫn duy trì sự kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng thí nghiệm trong phòng, trong châu vại, thí nghiệm trên đồng ruộng và đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Mặt khác, Viện đã mở rộng sự phối hợp nghiên cứu với các cơ quan khoa học trong và ngoài ngành nông nghiệp. Nhờ vận dụng khá nhuần nhuyễn và linh hoạt các quan hệ phối hợp và kết hợp trên nên phần lớn các nghiên cứu thí nghiệm của các bộ môn đều có chiều sâu về nội dung và có diện rộng về không gian, do đó đã đưa vào áp dụng rộng trong sản xuất.

Một trong những yếu tố có tính chất quyết định đối với những thành tích đã đạt được trong thời gian qua là đội ngũ cán bộ nghiên cứu của Viện đã không ngừng được tăng cường về số lượng và được nâng cao về chất lượng.

Cán bộ nghiên cứu của Viện tốt nghiệp ở nhiều trường đại học khác nhau thuộc 14 nước vừa xã hội chủ nghĩa, vừa tư bản chủ nghĩa có tuổi đời tuổi nghề khác nhau, có quá trình công tác trong những môi trường hoàn toàn khác nhau, tất nhiên trình độ khoa học, phương pháp nghiên cứu và quan niệm giải quyết vấn đề khác nhau. Tuy nhiên tất cả cán bộ của Viện đều được sự quan tâm giúp đỡ bồi dưỡng chí tình của Đảng ủy và Ban giám đốc nên tất cả đều nhất trí, đoàn kết chân thành và trung thực trong nghiên cứu.

Các phòng thí nghiệm, phân tích, các trạm thực nghiệm của Viện đang từng bước được trang bị thêm những thiết bị nghiên cứu hiện đại và đồng bộ... tạo điều kiện để dần dần nâng cao chất lượng nghiên cứu, mở rộng khả năng thâm nhập vào bản chất của đề tài và cải thiện hiệu quả phục vụ sản xuất của công tác nghiên cứu thí nghiệm.

3. Vài ý kiến về phương hướng công tác của Viện trong thời gian tới.

Tuy hệ thống nghiên cứu khoa học nông nghiệp trong cả nước đang cần được củng cố,

đơn định và phát triển, phương hướng và bước đi của các Viện, các trung tâm tổng hợp vùng đang được nghiên cứu và đúc rút kinh nghiệm, song căn cứ vào các kết quả đã thực hiện được, căn cứ vào khả năng cán bộ và trang thiết bị trong Viện hiện có, xuất phát từ tình hình tổ chức và việc triển khai nghiên cứu khoa học nông nghiệp chung trong cả nước hiện nay, chúng tôi có thể nêu nên những nhiệm vụ trước mắt trong vòng từ 3 đến 5 năm tới của Viện như sau:

- Tập trung nghiên cứu thí nghiệm, thực nghiệm kỹ thuật về cây, con ở trong vùng, nhất là những cây con trong 5 năm qua, bước đầu nghiên cứu đã có một số kết quả, trọng tâm chủ yếu là cây đậu nành nhằm giải quyết vấn đề protein cho người, thức ăn cho gia súc và xây dựng chế độ sử dụng cải tạo đất xám.

- Điều tra, xác định, nghiên cứu thí nghiệm thực nghiệm hệ cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở

trong vùng, thích hợp với yêu cầu sản xuất ở trong vùng nhằm đưa lại hiệu quả kinh tế và kỹ thuật cao.

- Đẩy mạnh sự hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các viện chuyên đề, chuyên ngành, các cơ sở sản xuất, giữa các cơ quan trung ương với các cơ quan địa phương, lấy kinh nghiệm tiến hành nghiên cứu tổng hợp liên ngành (đề tài rầy nâu) giải quyết dứt điểm trong từng thời gian yêu cầu của sản xuất.

- Xây dựng Viện trong vòng 3-5 năm tới chủ yếu là củng cố lực lượng, đào tạo thêm cán bộ đầu đàn, củng cố tổ chức, chế độ, nội quy quản lý công tác nghiên cứu khoa học. Khẩn trương xây dựng lại Trạm thí nghiệm thực nghiệm Hưng Lộc như nhiệm vụ thiết kế đã được Bộ nông nghiệp và Chính phủ phê chuẩn với quy mô 400 cán bộ, công nhân viên, diện tích 647 ha, vốn đầu tư 5 triệu đồng, đồng thời không ngừng tăng cường các thiết bị mới, đồng bộ cho các phòng thí nghiệm.

NHỮNG NGƯỜI VIẾT BÀI TRONG SỐ NÀY

Bùi Hữu Bình	- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn
Trần Ngọc Ca	- Cán bộ Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước
Nguyễn Văn Châu	- Phó trưởng Ban khoa học và kỹ thuật Thái Bình
Nguyễn Trần Dương	- Phó vụ trưởng Vụ tổng hợp và kế hoạch, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước.
Vũ Cao Đàm	- Cán bộ Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước
Nguyễn Đăng Hiếu	- Cán bộ Vụ kỹ thuật, Bộ lâm nghiệp.
An Khang	- Vụ trưởng Vụ tổng hợp và kế hoạch, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước
Lê Khắc	- Quyền chủ nhiệm Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước,
Bùi Văn Ngạc	- Phó viện trưởng Viện kỹ thuật nông nghiệp Miền đông Nam Bộ.
Hà Túc Tri	- Cán bộ kỹ thuật Liên hiệp xi nghiệp khảo sát đo đạc, Bộ xây dựng.
Nguyễn Ngọc Quán	- Phó vụ trưởng Vụ hợp tác khoa học và kỹ thuật với nước ngoài, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước.